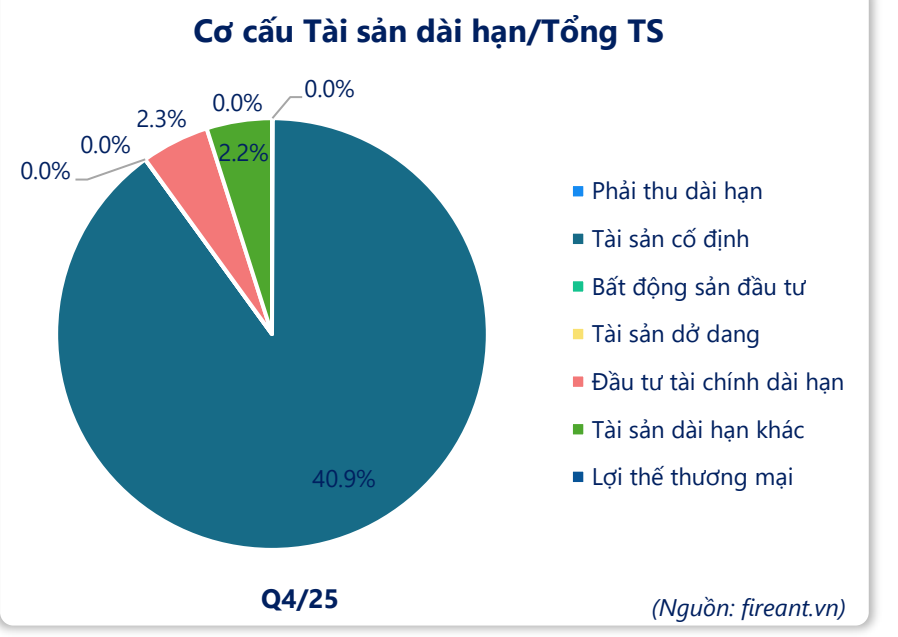
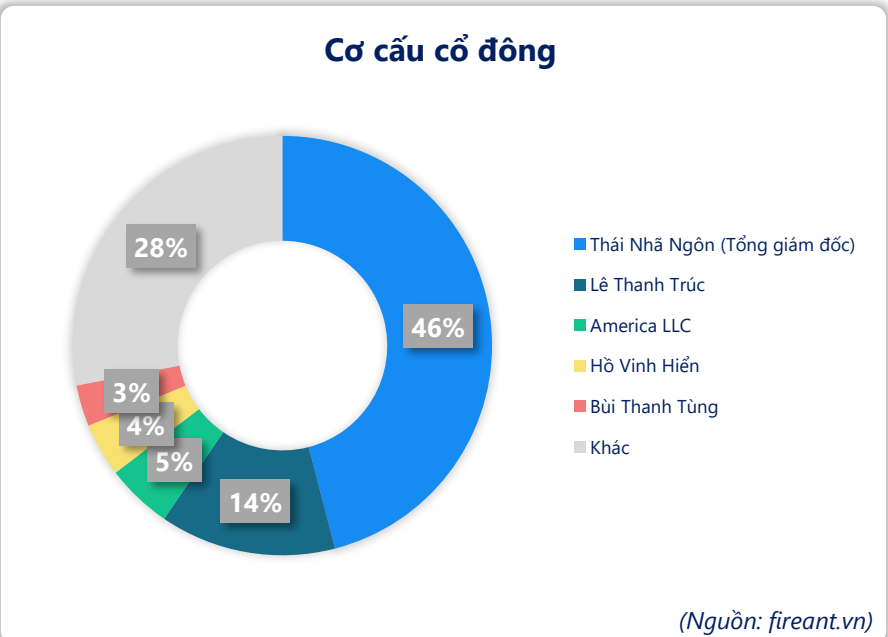
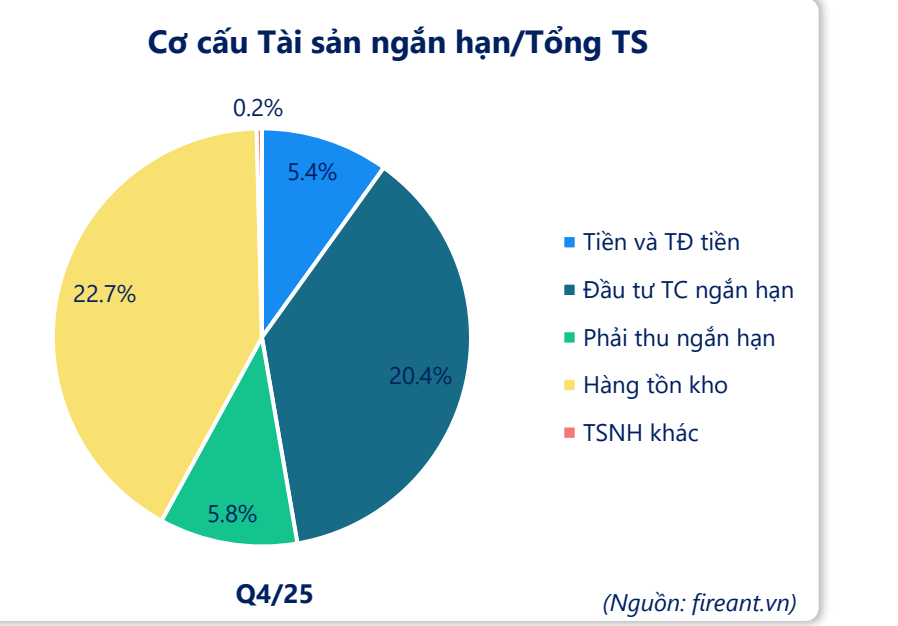
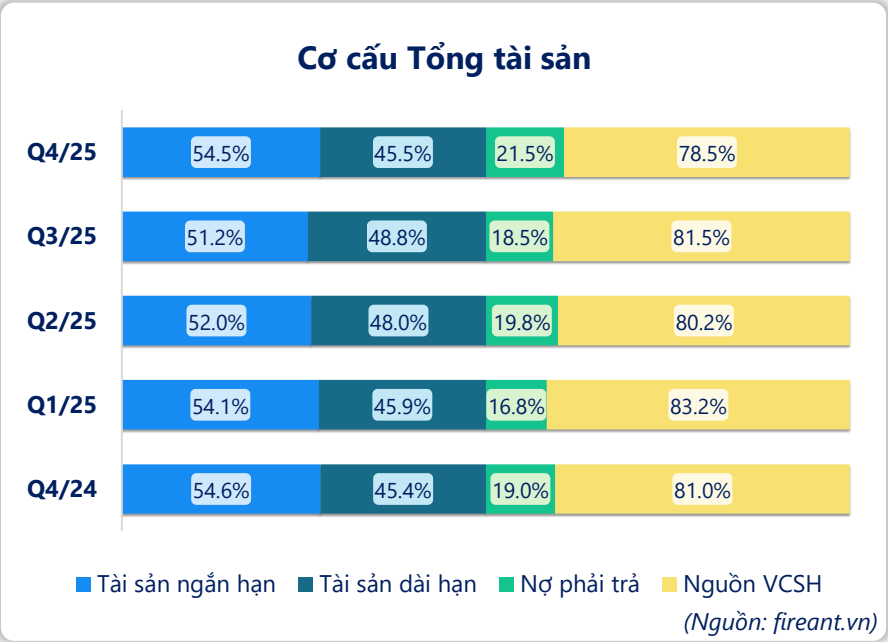
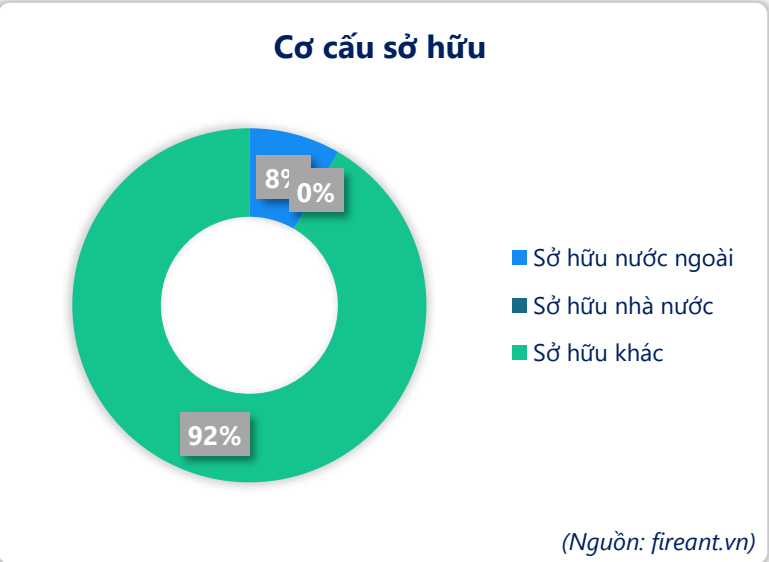
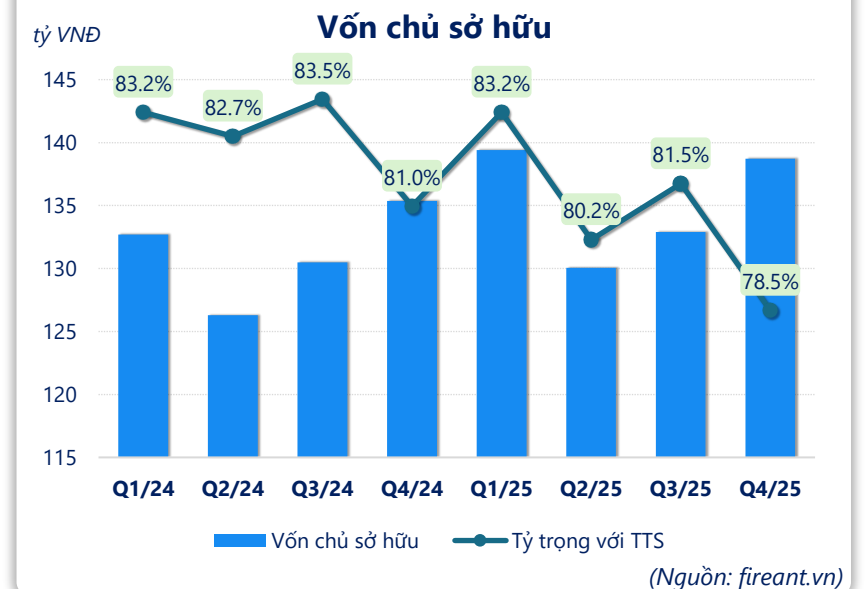
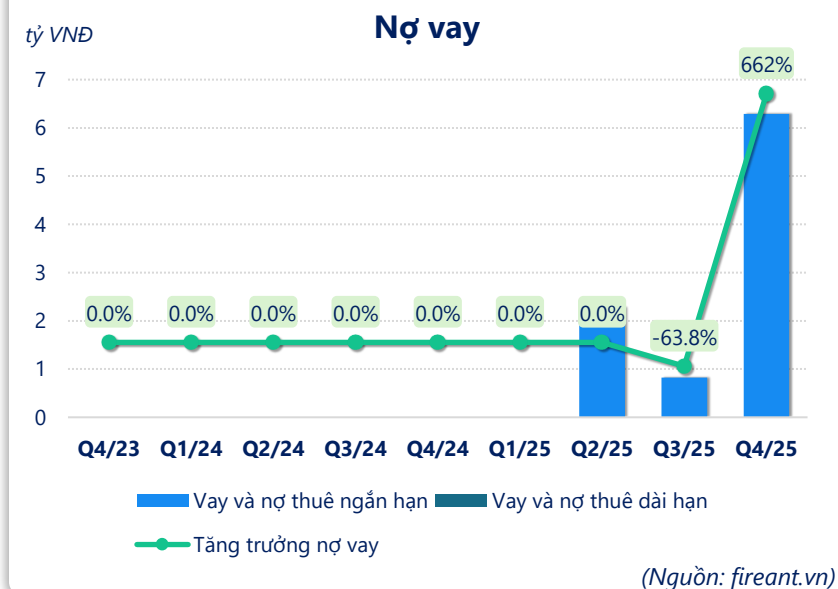
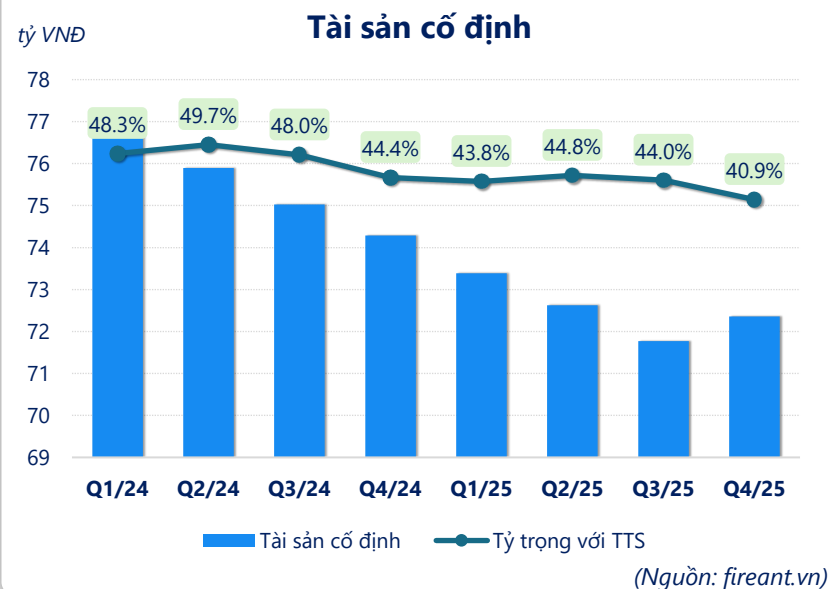
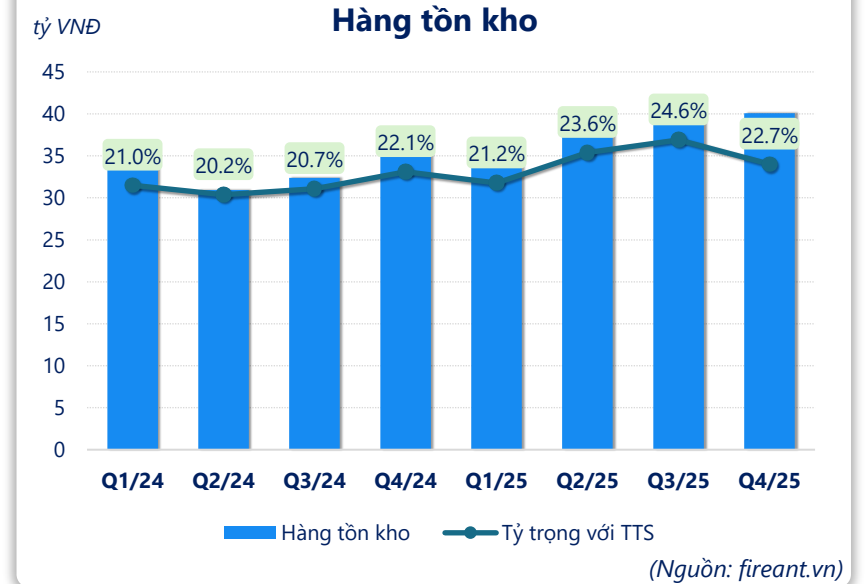
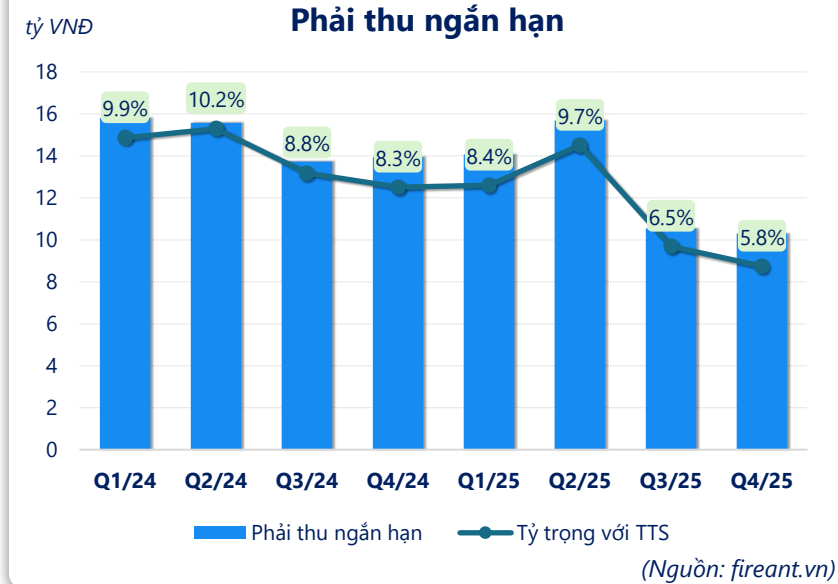
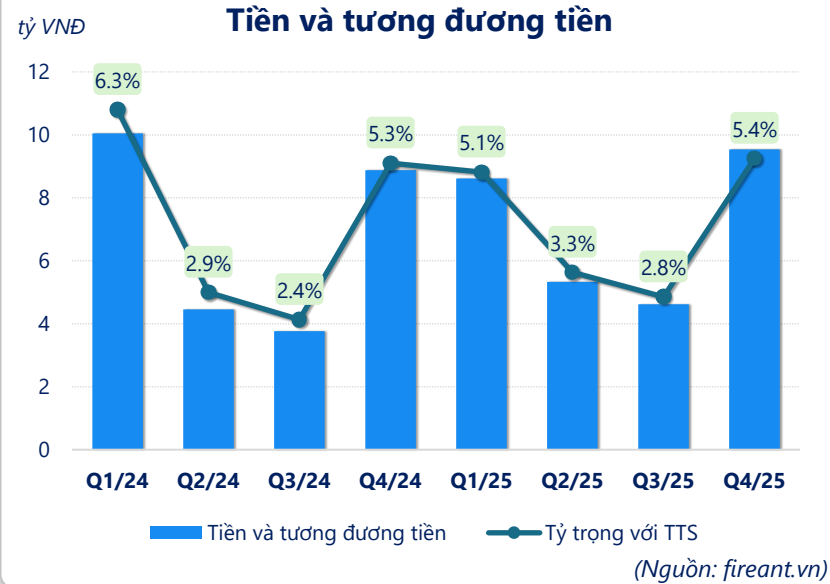
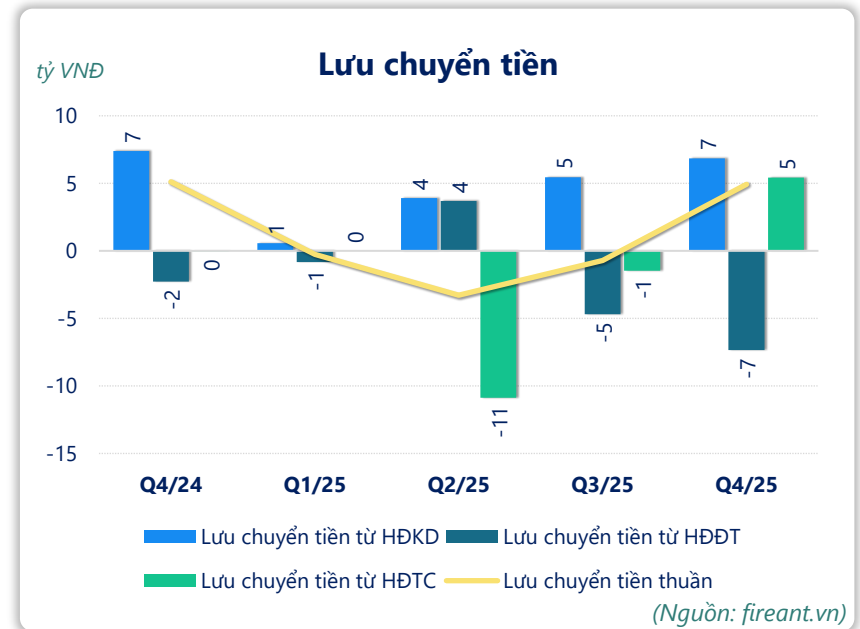
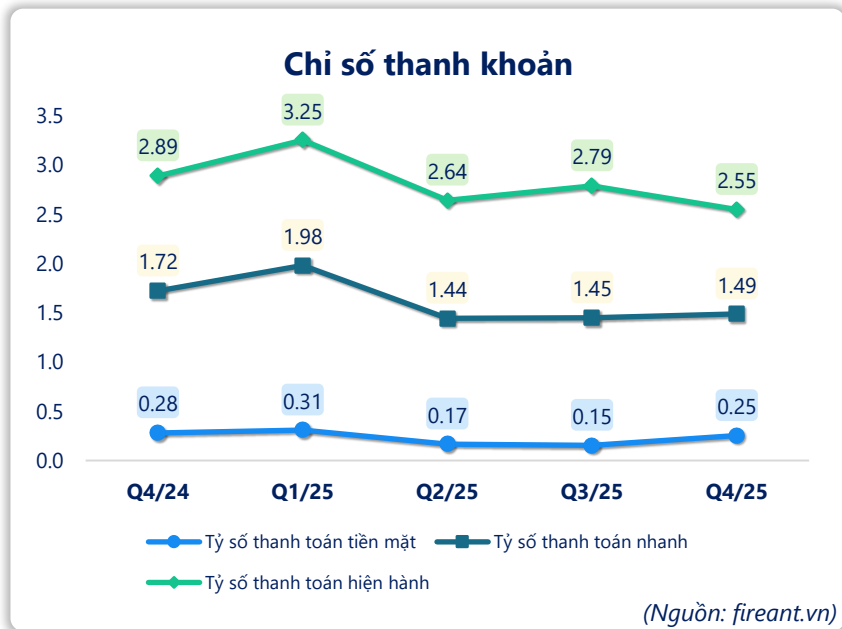
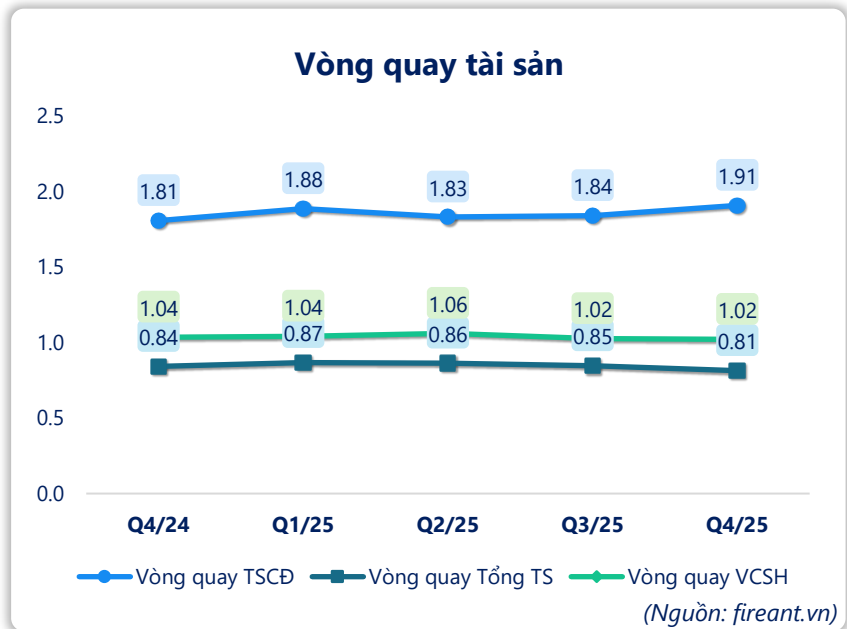
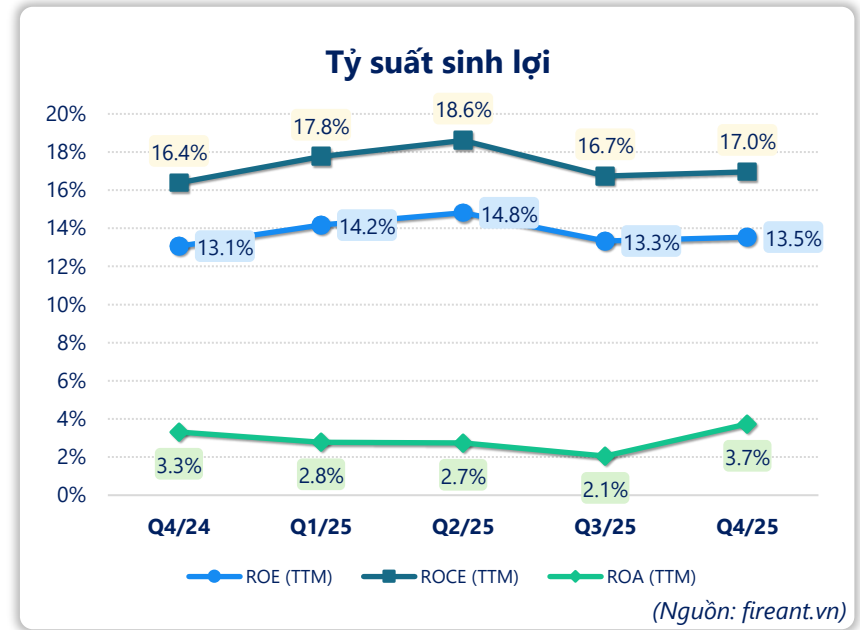
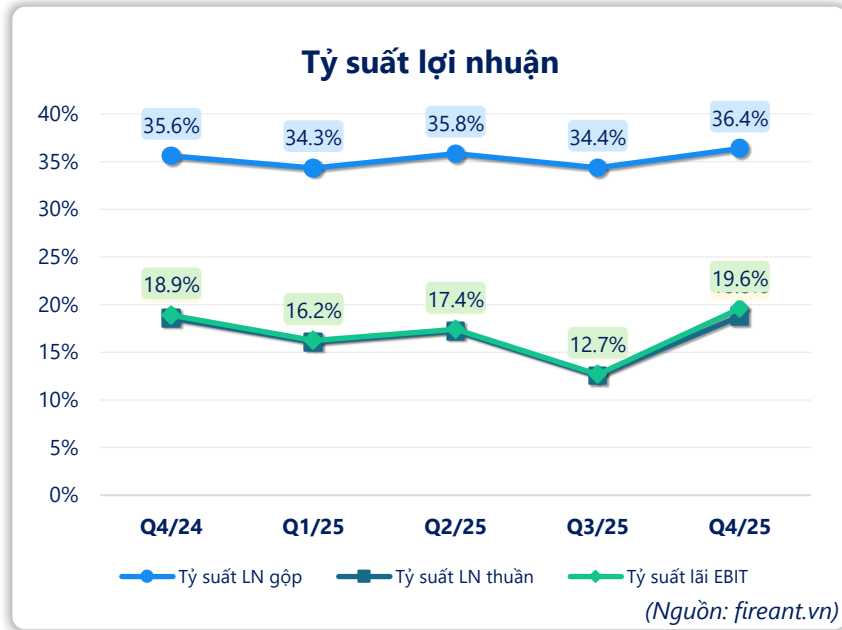
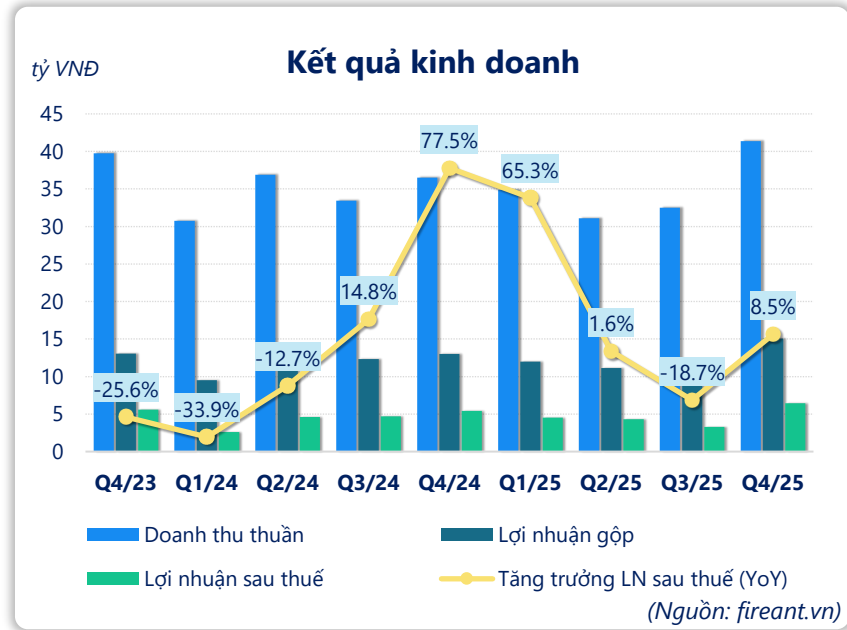


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,204
SL cổ phiếu LH		8,799,991
KLGD BQ 20 phiên (CP)		350
% sở hữu nước ngoài		8.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		180
P/E		9.7
EPS		2,109

	YTD	1T	3T	6T
PPP	25.7%	5.1%	4.1%	-7.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	177	167	5.7%
Tài sản ngắn hạn	96.3	91.2	5.5%
Tiền và tương đương tiền	9.54	8.88	7.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.0	31.1	15.7%
Phải thu ngắn hạn	10.3	13.9	-26.1%
Hàng tồn kho	40.1	36.9	8.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	0.41	-4.1%
Tài sản dài hạn	80.4	75.9	6.0%
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	-8.3%
Tài sản cố định	72.4	74.3	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.06	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.10	0	
Tài sản dài hạn khác	3.94	1.51	161%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	38.0	31.8	19.5%
Nợ ngắn hạn	37.8	31.6	19.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.29	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.2	13.5	-24.2%
Nợ dài hạn	0.21	0.22	-5.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	139	135	2.5%
Vốn chủ sở hữu	139	135	2.5%
Vốn điều lệ	88.0	88.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	36.5	34.9	31.1	32.5	41.3
Giá vốn hàng bán	23.5	22.9	19.9	21.3	26.3
Lợi nhuận gộp	13.0	12.0	11.1	11.2	15.0
Doanh thu HĐTC	0.63	0.06	0.73	0.07	0.85
Chi phí TC	0.01	0.01	0.05	0.02	0.04
Chi phí lãi vay	0	0	0.02	0.02	0.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.66	3.20	3.33	3.89	3.98
Chi phí QLDN	3.18	3.22	3.14	3.26	4.11
LN thuần từ HĐKD	6.78	5.61	5.35	4.08	7.76
Lợi nhuận khác	0.11	0.05	0.03	0.03	0.30
LN trước thuế	6.89	5.66	5.38	4.10	8.06
Lợi nhuận sau thuế	5.43	4.53	4.32	3.28	6.43
LNST của CĐ cty mẹ	5.43	4.53	4.32	3.28	6.43

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.38	0.58	3.91	5.45	6.85
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.27	-0.84	3.69	-4.70	-7.34
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	0	-10.9	-1.47	5.41
Tiền đầu kỳ	3.77	8.88	8.62	5.33	4.61
Lưu chuyển tiền thuần	5.11	-0.26	-3.28	-0.72	4.92
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.88	8.62	5.33	4.61	9.54

(Nguồn: fireant.vn)